

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/DS-PT

Ngày: 17-4-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Nguyễn Ngọc Thông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 477/2022/TLPT- DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn K, sinh năm 1951 (chết ngày 6/7/2022).

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng*** của ông Lâm Văn K là:

1.1. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958 (Vợ ông K); (Có mặt)

1.2. Anh Lâm Văn T, sinh năm 1978 (Con ông K); (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Đ và anh T là ông Hồ Thanh H, sinh năm 1983; (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1952; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho ông H là ông Ngô Quang T là Luật sư của Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Mạc Chí L, sinh năm 1953 (con bà Lâm Thị P chị ông K); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Mạc Thị Y, sinh năm 1949 (con bà Lâm Thị P chị ông K); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ông Mạc Chí C, sinh năm 1968 (con bà Lâm Thị P chị ông K); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1938 (Vợ ông Lâm Văn Đ anh ông K); (Vắng mặt)

3.5. Ông Lâm Văn N, sinh năm 1965 (Con ông Lâm Văn Đ anh ông K); (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1939 (Vợ ông Huỳnh Văn T anh ông K); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Lâm Văn D, sinh năm 1962 (Con ông Huỳnh Văn T anh ông K); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A 2, xã Thạnh T, huyện T, tỉnh S.

3.8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948 (Vợ ông Lâm Văn H anh ông K); (Vắng mặt)

3.9. Bà Lâm Thị V, sinh năm 1974 (Con ông Lâm Văn H anh ông K); (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã An P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1947 (chị ông K); (Vắng mặt)

3.11. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973 (con bà Lâm Thị H); (Vắng mặt)

3.12. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1987 (con ông Huỳnh Văn T anh ông K); (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, Đồng Tháp.

3.13. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1977 (con ông Huỳnh Văn T anh ông K); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958 (Vợ ông K); (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* là: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Anh Lâm Văn T, sinh năm 1978 (Con ông K); (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.16. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956 (Vợ ông H); (Vắng mặt)

3.17. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1981 (con ông H); (Vắng mặt)

3.18. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1983 (con ông H); (Vắng mặt)

3.19. Ông Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1985 (con ông H); (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.20. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947 (chồng bà B chị ông H); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Công T, xã Bình P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.21. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1942 (chị ông H); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long C, xã Long K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.22. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1950 (chị ông H); (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.23. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1964 (Em ông H); (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.24. Ông Huỳnh Văn Ng, sinh năm 1966 (Em ông H); (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.25. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1949 (chồng bà Hoa); (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.26. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1933; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.27. Ông Võ Văn L, sinh năm 1949; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị Đ, anh Lâm Văn T là người kế thừa của nguyên đơn; Anh Lâm Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày*: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ông Lâm Văn K tên Huỳnh Văn V (Lâm Văn V, T) nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn N vào năm 1926 diện tích là 10.000m² với chiều ngang là 100m, chiều dài là 100m, hiện nay ông N đã chết, việc mua bán này trước đó có làm giấy viết tay và có xác nhận của Nhà nước lúc bấy giờ công chứng xác nhận (thời chế độ cũ). Đối với giấy viết tay thì không còn lưu giữ, hiện nay chỉ còn giữ văn bản xác nhận của Nhà nước lúc bấy giờ, nhưng cháu ông N biết việc này. Sau khi chuyển nhượng thì đến năm 1934 ông V có cho bà Lâm Thị H (bà H là em ông V) chiều ngang 10m, chiều dài 100m, hiện nay bà H đã chết, con cháu bà H đang ở trên đất, vì cha đã cho rồi nên ông K thống nhất cho luôn không tranh chấp. Đồng thời, cũng vào năm 1934 thì ông V có chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Văn H (tên thật là Lâm Văn H, anh của ông V) chiều ngang 30,33m, chiều dài 100m, giáp liền kề với đất đã cho bà H, hiện nay ông H chết, con cháu ông H đang ở trên đất, chuyển nhượng với giá bao nhiêu thì ông không biết, nay diện tích đất thực tế của ông H là 33,33m, ông K cũng thống nhất không tranh chấp gì về phần đất này.

Đến năm 1942 ông Lâm Văn C (anh của ông V và là ông nội của bị đơn ông Huỳnh Văn H) do không có đất ở nên ông V mới cho ông C ở nhờ trước và sau tổng cộng chiều ngang là 16m, ông C chết để lại cho con là ông Lâm Văn C (cha ông H) tiếp tục ở. Sau đó ông V chết thì ông C có xin vợ ông V cho ông C luôn phần đất này và được thống nhất, nên nay ông K không tranh chấp gì đối với phần đất này vì mẹ ông đã cho rồi, nay là do ông Huỳnh Văn N và bà Huỳnh Thị H (Con ông C) đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Phần đất còn lại mà cha mẹ ông K chuyển nhượng từ ông N thì cha mẹ ông tiếp tục quản lý, sử dụng và có xây dựng nhà ở, sau khi cha mẹ ông chết thì để lại cho ông tiếp tục là người quản lý, sử dụng cho tới nay, vị trí nhà là cách nhà ông C một khoảng đất. Khoảng đất này thì cha mẹ và ông sử dụng trồng tre khai thác hàng năm. Vào năm 1993 thì phía gia đình ông H (con ông C) tự nhiên đi đăng ký kê khai khoảng đất này, ông không thống nhất nên phát sinh tranh chấp và ông gửi đơn khiếu nại, diện tích mà ông khiếu nại là 2.900m² bao gồm diện tích khoảng đất này và luôn phần diện tích đất mà mẹ ông đã cho ông C trước đó. Năm 1998 Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H) ra quyết định giải quyết là bác yêu cầu khiếu nại của ông, công nhận đất tranh chấp cho ông H, ông không thống nhất nên tiếp tục khiếu nại thì năm 1999 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết là giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện. Ông không thống nhất với 02 (hai) Quyết định này nên tiếp tục khiếu nại nhiều năm và đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân hai cấp trong tỉnh giải quyết là hủy 02 (hai) Quyết định đã ban hành vì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông thống nhất với các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố

H) và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại đối với phần đất tranh chấp này, không tranh chấp khiếu nại gì.

Ông không thống nhất theo lời trình bày của ông Huỳnh Văn H, phần đất này trước đây là chuyển nhượng từ ông N chứ không phải ông Th, vì có chứng thư của Nhà nước lúc bấy giờ xác nhận, do cha ông chết để lại giấy tờ văn bản bằng giấy trắng mực đen, còn những người làm chứng thì ai làm cũng được, thương ai thì làm chứng cho người đó. Khi mẹ ông H chết thì trước đây do đất xung quanh ngập nước, phần đất tranh chấp này của ông là gò cao nên cha mẹ ông mới cho chôn cất nhờ ở vị trí ngay giữa đầu ngoài phía giáp đường phần đất tranh chấp, sau này ông H mới di dời đi chỗ khác, việc cho chôn cất mộ nhờ này không làm giấy tờ gì là anh em giòng họ. Hiện nay phần đất tranh chấp này do ông và ông H cùng quản lý, sử dụng và việc sử dụng này không có ranh giới rõ ràng, phía bên giáp đất còn lại của ai thì người đó quản lý, sử dụng bên đó.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả lại và công nhận quyền sử dụng đất cho ông đã bị ông H lấn chiếm là 1.243,6m² (thuộc phạm vi các mốc 1,2,3,4 và 1 theo sơ đồ đo đạc của Tòa án), đất thuộc một phần thửa 1080, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các phần diện tích đất mà cha mẹ ông đã tặng cho bà H, chuyển nhượng cho ông H và tặng cho ông C thì ông thống nhất và không tranh chấp gì.

Đối với đường ống nước (lấy nước nuôi cá) của ông Võ Văn L và phần nền mộ của bà Nguyễn Thị P (chưa có mộ) để nhờ trên phần đất tranh chấp thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với hai người này. Nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về ông thì các bên sẽ tự thỏa thuận, thương lượng giải quyết với nhau.

Đối với các cây trồng trên đất tranh chấp ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu Tòa án giải quyết đất cho ai thì các cây trồng này thuộc về người đó, ông không tranh chấp, vì các cây trồng này do ông và ông H tự trồng.

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị đất và tài sản đối với phần đất tranh chấp này do trước đây Nhà nước huy hoạch mở rộng làm đường mà ông H đã nhận thì ông cũng không tranh chấp yêu cầu gì, ông thống nhất cho ông H luôn số tiền này. Lý do ông H nhận số tiền này là do căn cứ vào các quyết định hành chính trước đó đã giải quyết công nhận đất cho ông H rồi, chứ không phải là tự nhiên ông H được nhận số tiền này.

Ngày 16/7/2022 ông K chết, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông K, không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- **Bị đơn trình bày:** Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp này là của ông nội ông là ông Lâm Văn C nhận chuyển nhượng từ ông Cả T (chết) vào khoảng năm 1925, đến năm

1926 thì về quản lý, sử dụng. Sau đó ông nội ông chết (chết khoảng 70 năm trước) để lại cho cha ông là ông Lâm Văn C quản lý, sử dụng, sau đó cha ông chết (năm 1998) để lại cho ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay. Khi chuyển nhượng đất từ ông T, thì ông nội ông chuyển nhượng chung với ông Lâm Văn H (em của ông nội ông) và ông Lâm Văn V (cha ông Lâm Văn K cũng là em của ông nội ông) với tổng diện tích là 10.000m², có chiều ngang 100m và chiều dài là 100m. Sau đó mỗi người được chia đều ra với chiều ngang 33,33m, chiều dài 100m. Giá chuyển nhượng tại thời điểm đó là 100đ. Việc chuyển nhượng đất của ông T này là do vợ của ông H giới thiệu vì bà là bà con giòng họ với ông T. Khi đi làm giấy tờ chuyển nhượng tại Châu Đốc thì do ông V biết chữ nghĩa nên mới để cho ông V đứng tên làm thủ tục giấy tờ, chứ không phải một mình ông V chuyển nhượng như ông K trình bày. Sau đó do ông H cự cãi với ông V nên tách phần ông H ra riêng trong giấy chuyển nhượng. Còn phần ông nội ông và ông V vì hai anh em còn thuận thảo nên vẫn còn chung giấy chuyển nhượng này. Sau đó người bán này chết, ông K tìm thấy được giấy tờ chuyển nhượng này nên ông K mới đi tranh chấp cho tới nay.

Việc chia đất sau khi chuyển nhượng cụ thể như sau: Ông V thống nhất nhận chiều ngang 10m ở phía Bắc phần đất, vì phần đất này có cây trồng hoa lợi trên đất. Sau này ông V mới cho lại bà Lâm Thị H (em ông V) diện tích ngang 10m này. Hiện nay bà H chết, con cháu của bà H đang quản lý, sử dụng; Phần đất kế tiếp là ngang 33,33m của ông H nhận (ông H chết để lại cho con cháu); Phần đất kế tiếp ngang 33,33m là của ông nội ông nhận (ông nội ông chết để lại cho cha ông, cha ông chết để lại cho con là bà Huỳnh Thị H ngang 8m, ông Huỳnh Văn N ngang 8m và ông ngang 9m), phần đất còn lại ngang khoảng 8,3m ông nội ông cho ông V (vì lúc đó phần đất ông V bị sạt lở xuống mương nước bà K, hiện nay là nhà của ông K), ông không tranh chấp gì đối với phần đất ông nội đã cho ông V này; Phần đất kế tiếp là của ông Lâm Văn V chiều ngang là 23,33m. Trong quá trình sử dụng phần đất của ông V bị lở xuống mương bà K nên ông nội ông mới cho ông V chiều ngang 8,3m như trên, việc cho này không làm giấy tờ và chỉ cho mặt tiền kéo thẳng vào mĩ đất của ông V được chia khi chuyển nhượng, không cho hết chiều dài đất.

Phần diện tích đất tranh chấp này ông nội ông, cha ông và sau đó là đến ông quản lý, sử dụng liên tục từ khi chuyển nhượng năm 1926 cho tới nay, căn nhà của cha ông cũng cất trên phần đất này, sau đó dỡ bỏ và có cho ông Mạc Văn L (đã chết) cất nhà tạm để trữ lúa, cho ông Võ Văn L để nhờ đường ống nước để bơm nước nuôi cá, cho bà Nguyễn Thị P xây dựng nền mộ và đồng thời vào năm 1984 mẹ ông là bà Trần Thị P chết, gia đình cũng chôn cất trên phần đất tranh chấp này, vị trí ngay giữa phía đầu giáp đường đi, đến năm 2006 Nhà nước mở rộng đường nên mới di dời đi nơi khác. Từ năm 1993 cho tới nay do ông K tranh chấp, khiếu nại, hai bên cự cãi, trong khi chờ đợi giải quyết thì bên ông K mới có sử dụng trồng cây phần phía giáp đất của mình thôi, việc sử dụng này không có ranh giới rõ ràng, chứ từ trước đó thì ông K không có quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp này. Phần đất tranh chấp này trước đây ông cũng có đóng thuế hàng năm cho Nhà nước và khi Nhà nước mở rộng làm đường thì ông là người nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Vào năm 1993 thì ông K có gửi đơn khiếu nại tranh chấp, Ủy ban nhân dân huyện H(nay là thành phố H) và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra quyết định giải quyết là bác yêu cầu khiếu nại của ông K, công nhận đất tranh chấp cho ông. Ông K không thống nhất nên tiếp tục khiếu nại và đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân hai cấp trong tỉnh giải quyết là hủy 02 (hai) Quyết định đã ban hành vì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông thống nhất với các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện H(nay là thành phố H) và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại đối với phần đất tranh chấp này, không tranh chấp khiếu nại gì.

Nay ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông K, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp diện tích 1.243,6m² (thuộc phạm vi các mốc 1,2,3,4 và 1 theo Sơ đồ đo đạc của Tòa án), đất thuộc một phần thửa 1080, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các cây trồng trên đất tranh chấp ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu Tòa án giải quyết đất cho ai thì các cây trồng này thuộc về người đó, ông không tranh chấp, vì các cây trồng này do ông và ông K tự trồng.

Đối với đường ống nước (lấy nước nuôi cá) của ông Võ Văn L và phần nền mộ của bà Nguyễn Thị P (chưa có mộ) để nhờ trên phần đất tranh chấp thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với hai người này. Nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về ông thì các bên sẽ tự thỏa thuận, thương lượng giải quyết với nhau. Ngoài ra bị đơn không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Mạc Chí L, Mạc Thị Y, Mạc Chí C, Lê Trị Tr, Lâm Văn N, Nguyễn Thị L, Lâm Văn D, Nguyễn Thị H, Lâm Thị V, Lâm Thị H, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thanh T, Huỳnh Thị Diệu H, Phan Thị Đ và Lâm Văn T* trình bày: Thống nhất trình bày của nguyên đơn, vì phần đất tranh chấp này là của ông K, không tranh chấp yêu cầu gì trong vụ án này.

+ *Nguyễn Thị A, Huỳnh Thị T, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn Ph, Nguyễn Văn Th, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị K, Huỳnh Văn N và Nguyễn Văn T* trình bày: Thống nhất trình bày của bị đơn, vì phần đất tranh chấp này là của ông H, không tranh chấp yêu cầu gì trong vụ án này.

+ *Nguyễn Thị P, Võ Văn L* trình bày: Phần nền mộ (chưa có mộ) và đường ống nước để bơm nước nuôi cá là có xin ông H để nhờ trên đất tranh chấp và được ông H thống nhất, không tranh chấp yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án DSST số: 56/2022/DSST ngày 03/11/2022 của Tòa án thành phố H tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn K (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T) về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H trả lại diện tích đất là 1.243,6m².

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.243,6m² (thuộc phạm vi các mốc 1,2,3,4 và 1 theo Sơ đồ đo đạc số 10/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐTPHN ngày 14/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H), đất thuộc một phần thửa 1080, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn H được quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Văn H được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai đối với phần diện tích đất đã được công nhận quyền sử dụng nêu trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo Bản án này là các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/11/2020, 14/6/2022 và 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc số 10/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐTPHN ngày 14/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T), nên phải chịu tiền án phí. Tuy nhiên, bà Đ là người cao tuổi và ông K là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên được miễn nộp tiền án phí. Các đương sự còn lại trong vụ án không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của vụ án là 4.743.000đ. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T) nên phải chịu chi phí này (Đã nộp tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/11/2022 bà Phan Thị Đ, anh Lâm Văn T; anh Lâm Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, các đương sự yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị Đ, anh Lâm Văn T, anh Lâm Văn N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, anh T, anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đ, anh T, anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ, anh T, anh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của các bên đương sự chưa thống nhất nguồn gốc phần đất đang tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất là của cha ông là ông Lâm Văn V (Huỳnh Văn V (T)) mua của ông N. Bị đơn không đồng ý nguồn gốc mà nguyên đơn trình bày, nhưng ông cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Huỳnh Văn C (là ông nội của ông H), ông Huỳnh Văn H và ông Lâm Văn V (T) hùn mua chung một thửa đất và chia ra mỗi người một phần bằng nhau là 33,33m.

Trong quá trình sử dụng đất nguyên đơn cho rằng năm 1942 cha ông K là ông V cho ông C (T) ở nhờ một phần đất để cất nhà ở, khoảng trên dưới 30m, khi ông C chết để lại cho con là ông C ở và sử dụng (ông C là cha ông H), hiện tại các con của ông C là ông H, ông N, bà H là người đang trực tiếp sử dụng.

Trong quá trình sử dụng phía bị đơn không thừa nhận việc xin ở nhờ trên phần đất đang tranh chấp như bên phía nguyên đơn trình bày và nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ để nào để chứng minh là phần đất trên ông V là cha của ông K cho ông C là ông nội của ông H ở nhờ. Nhưng trên thực tế hộ ông C (là cha ông H) đã ở và sử dụng phần đất từ năm 1942 cho đến năm 1972 là thời kỳ chiến tranh, phải tản cư chạy giặc về xã Long K, huyện H ở. Cho nên, tính thời gian gia đình bên ông H đã ở trên phần đất tranh chấp tại thời điểm tản cư chạy giặc là đã 30 năm. Sau giải phóng năm 1979 hộ ông C (là cha ông H) tiếp tục về ở trên phần đất này đến năm 1993 là 14 năm, hộ ông C mới đi kê khai, đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thì phía ông K đứng ra tranh chấp, khiếu nại.

Ngày 11/02/1998 Ủy ban huyện H (nay là thành phố H) giải quyết bằng Quyết định số 88/QĐ-UB, bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông K, ông K không đồng ý với quyết định trên của Ủy ban Huyện nên đã khiếu nại đến Ủy ban tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10/8/1999 Ủy ban tỉnh Đồng Tháp chuẩn y Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 11/02/1998 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H. Đến ngày 08/6/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 112/QĐ-UBND-ND hủy Quyết định số 364/QĐ-UB.ND ngày 10/8/1999 với lý do việc tranh chấp giữa các bên đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án do có tài sản, cây trái trên đất. Sau khi có Quyết định của UBND Tỉnh trả lời phía nguyên đơn ông K không khiếu nại nữa, phía bị đơn vẫn tiếp tục sử dụng phần đất này thêm 21 năm. Do đó, về quá trình sử dụng đất của gia đình bị đơn là sử dụng công khai, liên tục, lâu dài trên 70 năm.

[2] Theo Công văn số 1364/UBND-HC ngày 08/6/2021 của Ủy ban thành phố H cung cấp thông tin như sau: Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 1080, tờ bản đồ số 13, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo sổ mục kê chưa có tên chủ sử dụng đất và không có tên chủ sử dụng đất trên trang số địa chính, đất có thể được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho người sử dụng nhưng phải đủ điều kiện theo quy định của Luật đất đai và theo hồ sơ địa chính quản lý thì chưa có ai đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập và các thông tin do Cơ quan có thẩm quyền cung cấp về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất của gia đình bị đơn đã ổn định lâu dài, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận diện tích qua đo đạc thực tế là 1.243,6m² cho ông H là có căn cứ.

[3] Về cây trồng có trên đất, cũng như đường ống nước và phần mộ có trên đất các bên không tranh chấp nên án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét án sơ thẩm xử là hoàn toàn có căn cứ, nên xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ, anh T, anh N là không có căn cứ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà Đ, anh T, anh N phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do bà Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn theo quy định pháp luật, nên miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà Đ.

[4] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, anh T, anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đ, anh T, anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 105; Điều 115; Điều 161; Điều 166; Điều 179; Điều 180; Điều 182; Điều 193; Điều 184 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị Đ, anh Lâm Văn T; anh Lâm Văn N.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn K (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T) về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H trả lại diện tích đất là 1.243,6m².

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.243,6m² (thuộc phạm vi các mốc 1,2,3,4 và 1 theo Sơ đồ đo đạc số 10/2022/SĐDD/CNVPĐKĐĐTPHN ngày 14/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H), đất thuộc một phần thửa 1080, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn H được quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Văn H được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai đối với phần diện tích đất đã được công nhận quyền sử dụng nêu trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản án này là các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/11/2020, 14/6/2022 và 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc số 10/2022/SĐDD/CNVPĐKĐĐTPHN ngày 14/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T), nên phải chịu tiền án phí. Tuy nhiên, bà Đ là người cao tuổi và ông K là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên được miễn nộp tiền án phí. Các đương sự còn lại trong vụ án không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của vụ án là 4.743.000đ. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K (Chết - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Phan Thị Đ và anh Lâm Văn T) nên phải chịu chi phí này (Đã nộp tạm ứng và chi xong).

5. Án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho bà Phan Thị Đ.

Anh Lâm Văn T; anh Lâm Văn N mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0006800; 0006801 cùng ngày 14/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (anh T, anh N đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội